TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **73**/2020/HS-PT.
Ngày: 31-8-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu.
Bà Tăng Thị Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đào Tiến Thắng-Kiểm sát viên.

Trong ngày 31-8-2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2020/TLPT-HS ngày 10-8-2020 đối với bị cáo Bùi Văn C do có kháng cáo của bị cáo C và bị hại Nguyễn Thị N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 06-7-2020 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị cáo có kháng cáo:* Bùi Văn C; Tên gọi khác: C; Sinh năm: 1963; Nơi sinh: Thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm A, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn K và bà Nguyễn Thị D; Có vợ là bà Lý Thị S, sinh năm 1960 và có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1996; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23-01-2020 đến nay. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Phạm Minh T-luật sư của Văn phòng Luật sư P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Hẻm A, ấp X, thị trấn P, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Bà Lý Thị S; Sinh năm: 1960; Nơi cư trú: Khóm A, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; là vợ của bị cáo Bùi Văn C. (có mặt)

- *Bị hại có kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị N; Sinh năm: 1936; Nơi cư trú: Khóm A, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị hại Nguyễn Thị N:* Bà Lê Thị Mỹ L;

Sinh năm: 1972; Nơi cư trú: Khóm A, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị N*: Ông Phạm Văn H-luật sư thực hiện trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ Trung tâm: Số A, đường H, Phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 15 giờ 30 phút ngày 18-11-2018, trong lúc uống rượu tại nhà của mình, bị cáo Bùi Văn C có nghe con ruột là Bùi Thị Minh T nói về việc có người hăm đánh, bị cáo C nghĩ là do bà Nguyễn Thị N nói. Do vậy, bị cáo C đi qua nhà bà N, khi đó bà N đang ngồi trên chiếc giường bê tông, bị cáo C nói "Bà làm điềm chỉ tụi chi khu N bắt giết cha tôi", bà Ntrả lời là "Không biết". Trong lúc hai bên nói chuyện qua lại vài câu nói, thì bị cáo C dùng tay đánh nhiều cái vào người của bị hại N làm cho bị hại ngã té xuống nền gạch xi măng bị thương tích ở vùng thái dương trái. Ngay sau đó, bà N được gia đình đưa đến Bệnh viện Quân Y 121 Thành phố Cần Thơ điều trị thương tích đến ngày 12-12-2018 thì xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 02/TgT-PY ngày 28-12-2018 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận đối với thương tích của bà Nguyễn Thị N như sau: Tụ máu dưới màn cứng thái dương đỉnh trái, đã được điều trị bảo tồn không có di chứng thần kinh; Các chấn thương phần mềm như trong giấy chứng nhận thương tích mô tả đã được điều trị không còn di chứng tổn thương. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 21%. Tổn thương do vật tày gây nên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 690/KLGĐPYTTL II ngày 11-12-2019 của Viện Pháp Y tâm thần Trung ương Biên Hòa-Bộ Y tế kết luận đối với bị cáo Bùi Văn C như sau:

- Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay đương sự Bùi Văn C bị bệnh rối loạn nhân cách và hành vi do rượu (F10.71 – ICD.10).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Đương sự Bùi Văn C bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 06-7-2020 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, điểm q, điểm s, điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 590 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn C (Tên gọi khác: C) phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn C 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Bùi Văn C có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị N số tiền là 34.088.846 đồng. Tiếp tục quản lý số tiền 10.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo Biên lai thu số 009793 ngày 03-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N để đảm bảo thi hành án.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 15-7-2020, bị hại Nguyễn Thị N kháng cáo, yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo C từ 01 năm tù lên 03 năm tù trở lên và yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại lên 44.188.846 đồng.

* Ngày 21-7-2020, bị cáo Bùi Văn C kháng cáo xin hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Bùi Văn C và người đại diện hợp pháp của bị cáo C giữ nguyên kháng cáo xin cho bị cáo C hưởng án treo.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị hại Nguyễn Thị N giữ nguyên kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị N, về việc yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo C từ 01 năm tù lên 03 năm tù trở lên và tăng mức bồi thường thiệt hại lên 44.188.846 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo C có bệnh lý tâm thần cần được tiếp tục điều trị theo phác đồ; bị cáo có điều kiện nhân thân tốt, cha bị cáo là liệt sỹ, mẹ bị cáo là Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, cho bị cáo hưởng án treo. Đối với kháng cáo của bị hại, về việc tăng hình phạt đối với bị cáo và tăng tiền bồi thường thiệt hại là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo hưởng án treo và không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị hại.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Trong vụ án này, bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ và vì động cơ đê hèn theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ. Từ đó, đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, về việc cho bị cáo hưởng án treo là không có căn cứ để chấp nhận. Về trách nhiệm dân sự, bị hại yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần lên 20 tháng lương cơ sở là phù hợp đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Đơn kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị N và bị cáo Bùi Văn C nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân thị xã N vào các ngày 15-7-2020 và 21-7-2020 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo về việc xin hưởng án treo và kháng cáo của bị hại về việc tăng hình phạt đối với bị cáo và tăng mức bồi thường thiệt hại theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Văn C: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận, vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 18-11-2018, sau khi uống rượu tại nhà, bị cáo có nghe con của bị cáo nói có người hâm đánh, hâm giết và trước đó bị cáo có nghe nói bà Nguyễn Thị N làm "điềm" thời chiến tranh, chỉ điểm cho địch bắt cha bị cáo, nên bị cáo đi đến nhà bà N để nói chuyện và bà N xác định bà không làm việc như bị cáo nói. Trong lúc bị cáo và bà N nói chuyện qua lại với nhau thì bị cáo dùng tay đánh nhiều cái vào người của bà N làm bà N té ngã xuống nền nhà bằng gạch xi măng bị thương tích ở vùng thái dương trái. Theo kết luận giám định, tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại N do thương tích gây nên hiện tại là 21%. Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Như vậy, có đủ cơ sở xác định bị cáo C đã cố gây thương tích cho bị hại N với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 21%. Xét mặc dù tại thời điểm phạm tội và hiện tại, bị cáo Bùi Văn C bị rối loạn nhân cách và hành vi do rượu nhưng bị cáo chỉ bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự. Xét bị cáo C gây thương tích cho bị hại N với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 21% đã phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đồng thời, trong vụ án này, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội đối với bị hại N là người già yếu nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp "Đối với người già yếu" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Bùi Văn C phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị hại, về việc tăng hình phạt đối với bị cáo: Khi lượng hình đối với bị cáo, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự nguyện nộp tiền bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng; bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mẹ của bị cáo là liệt sỹ và được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; bị cáo có nhân thân tốt, theo quy định tại điểm b, điểm q, điểm s, điểm x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); và xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách

nhiệm hình sự, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Xét kháng cáo của bị hại cho rằng bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng là có tính chất côn đồ và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại xác định bị cáo phạm tội vì động cơ đê hèn là không có cơ sở. Bởi vì, trước khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đối với bị hại thì giữa bị cáo và bị hại đã có mâu thuẫn và tại thời điểm phạm tội bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Xét về mức hình phạt, khi lượng hình Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015), xử phạt bị cáo C mức án 01 năm tù là tương xứng với mức độ, tính chất hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại, về việc yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo, về việc xin hưởng treo: Bị cáo C bị phạt tù dưới 03 năm; có nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và có nơi cư trú rõ ràng. Tuy nhiên, tình hình tội phạm xâm hại sức khỏe của con người có chiều hướng gia tăng trên địa bàn nên cần phải xử lý nghiêm minh đối với người phạm tội, mới có đủ tác dụng phòng ngừa tội phạm. Do đó, việc miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cho bị cáo C sẽ ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo C, về việc xin hưởng án treo.

[5] Xét kháng cáo của bị hại, về việc tăng tiền bồi thường thiệt hại: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe với tổng số tiền là 44.118.846 đồng (Trong đó, tiền điều trị thương tích là 14.188.846 đồng, tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 20.000.000 đồng và tiền công lao động của 02 người nuôi bệnh là 10.000.000 đồng). Xét bị hại yêu cầu bồi thường tiền điều trị là 14.188.846 đồng là phù hợp với các hóa đơn, chứng từ mà bị hại đã cung cấp. Đối với tiền công lao động của người nuôi bệnh bị mất (từ ngày 18-11-2018 đến 12-12-2018 là 25 ngày), tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lê Thị Mỹ L xác định trong thời gian bị hại N nằm viện điều trị thì bà L và ông Lê Quốc T thay phiên nhau chăm sóc cho bà N chứ không phải bà L và ông T cùng chăm sóc bà N trong suốt thời gian điều trị bệnh nên Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường khoản tiền công lao động bị mất của 01 người nuôi bệnh tương ứng là 25 ngày x 200.000 đồng/ngày = 5.000.000 đồng là có căn cứ. Đối với khoản tiền tổn thất tinh thần của bị hại, Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho bị hại với số tiền là 14.900.000 đồng (10 tháng lương cơ sở) là phù hợp với thiệt hại của bị hại theo kết luận giám định và tổn thất về tinh thần mà bị hại phải gánh chịu. Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc bị cáo C bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại các khoản với tổng số là 34.088.846 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc tăng tiền bồi thường thiệt hại lên số tiền là 44.118.846 đồng. Đồng thời, giao Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục quản lý số

tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) mà bị cáo Bùi Văn C (Tên gọi khác: C) đã nộp theo Biên lai thu số 009793 ngày 03-02-2020 để đảm bảo thi hành án.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, chấp nhận một phần đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 2 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Bùi Văn C là con của liệt sỹ nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm. Bị hại Nguyễn Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn C (Tên gọi khác: C), về việc xin hưởng án treo. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị N, về việc yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo và tăng tiền bồi thường thiệt hại. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 06-7-2020 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, q, s, x khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Bùi Văn C (Tên gọi khác: C) 01 (Một) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Xử buộc bị cáo Bùi Văn C (Tên gọi khác: C) có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại Nguyễn Thị N với tổng số tiền là 34.088.846 đồng (Ba mươi bốn triệu, không trăm tám mươi tám ngàn, tám trăm bốn mươi sáu đồng).

- Về nghĩa vụ thi hành án dân sự:

+ Về nghĩa vụ chậm thi hành án dân sự: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Giao Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục quản lý số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) mà bị cáo Bùi Văn C (Tên gọi khác: C) đã nộp theo Biên lai thu số 009793 ngày 03-02-2020 để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Bùi Văn C được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị hại Nguyễn Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND TX. N (02);
- VKSND TX. N (01);
- CQĐT - Công an TX. N (01);
- CQTHAHS-Công an TX. N (01);
- Chi cục THADS TX. N (01);
- Bị cáo; BH; NBC; NBV (06).
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sơ Tư pháp (01); - Lưu HS, THS (04);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Lê Thanh Vũ